

KẾ HOẠCH TUẦN 21 - HỌC KỲ II - NH 2022.23

Từ ngày: **06/02/2023** → **11/02/2023**

Chủ đề tháng 2: "Thanh niên với lý tưởng cách mạng."

I- CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG - PHÁP CHẾ - TỔ CHỨC: *Thực hiện nghiêm các VB hướng dẫn phòng chống Covid-19.*

- Thứ Hai(7g15-06/01): Tiết 1, 2: SHDC và SHCN. (GVCN+BGH+TLTN)

• 9g00: **Họp Liên tịch.**

- **Thực hiện đảm bảo An toàn trường học, An toàn PCCC.** (PHT2 chỉ đạo)

II- TRẬT TỰ - NỀ NẾP - VỆ SINH:

- Nhắc nhở học sinh: Trong giờ ra chơi học sinh ở lớp, hành lang hoặc xuống sân theo khu vực PHT2 phân chia, không đem đồ ăn nước uống vào trường, tuyệt đối không được ăn uống trong phg học, không ồn ào trong giờ nghỉ trưa. HS không được chơi đá cầu, cầu lông, chạy nhảy ở các hành lang trên lầu. HS không được leo trèo lan can lầu cao, hàng rào, cây cao; không phá bẻ điện. Giáo dục HS Giữ gìn vệ sinh chung. Chấp hành Luật an toàn giao thông. (GV+Gthị). GVCN nhắc HS lớp dọn dẹp VS lớp sạch sẽ, gọn gàng, khóa cửa phòng khi ra về.

- Buổi trưa không để HS tự bày biện ăn uống tại phòng học và hành lang lớp học. Hướng dẫn HS nơi ăn trưa. (PHT2+GThị)

- Lao động sân trường theo Kế hoạch Phó HT. (GVCN+GThị+PV)

III- CHI BỘ - ĐOÀN THỂ:

- Tiếp đảng viên, GV, NV và phụ huynh lúc 8g40 và 14g40 hằng ngày. (BTCB+HT+Cô Diệp)

- Thực hiện hồ sơ phát triển Đảng. (Thầy Phú Đức, cô Trâm(Địa), thầy Chí, thầy Thi). (Chi ủy)

- Chuẩn bị hồ sơ, danh sách học sinh mới lớp Cảm tình đoàn lần 3 năm học 2022 - 2023 cho hs 3 khối. (TLTN+BCHĐT)

- Xây dựng dự thảo Kế hoạch tổ chức các hoạt động Tháng thanh niên (tháng 3) năm 2023. (TLTN)

IV- CHUYÊN MÔN:

1) Công tác dạy và học: Thực hiện KH dạy học HK2 năm học 2022-23 theo TKB số 05 (áp dụng 16/01/2023).

- Rà soát phân công trực các phòng chức năng: Giám thị, Thiết bị, Thí nghiệm..... Hồ sơ làm việc các phòng. (BGH)

- Phân công công việc với giáo viên chưa đủ tiết dạy nghỉ vụ. (BGH)

2) Thanh kiểm tra:

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch Kiểm tra Nội bộ. (theo phân công)

V- CÔNG TÁC KHÁC:

- Tiến hành mua trang thiết bị, đồ dùng dạy học phù hợp. Thanh lý các vật dụng thiết bị không còn sử dụng được. (BGH chỉ đạo)

- Rà soát, sửa chữa các thiết bị dạy học: Micro, Amply, Tivi ...

VI- CÔNG TÁC CHƯA THỰC HIỆN TRONG TUẦN TRƯỚC:

- Kiểm tra hồ sơ Kiểm kê Tài sản công 0g ngày 01.01.2023. (HT+PHT2)

*** CÁC CÔNG TÁC, PHONG TRÀO TRONG THỜI GIAN TỚI:** (Công tác phát sinh có thể sẽ nhấn trên zalo bổ sung)

Nơi nhận:

- BGH, TTr;
- GV + Tổ VP;
- Bản tin GV; Website
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LÊ MINH XUÂN

SƠ KẾT THI ĐUA TUẦN
Tuần thi đua 1 - HK2: Từ ngày 09/01 đến ngày 02/02/2023

Lớp	GVCN	Số điểm ban đầu	Sĩ số	Số đầu bài	Số điểm danh	vắng hợp	Vi phạm	Điểm cộng	Tổng điểm	Xếp hạng	Nhóm	XH toàn trường	XH giai đoạn đến hết tuần...
10C1	T. HÙNG (H)	4600	46	0	0	0	20	20	100.0	7	I	17	
10C2	C. BÍCH (AV)	4500	45	0	30	0	35	20	99.0	13		31	
10C3	C. VÂN (L)	4500	45	0	0	0	10	20	100.2	4		14	
10C4	C. CHÂU (AV)	4600	46	15	0	0	0	40	100.5	2		6	
10C5	C. H. HOA (H)	4600	46	15	0	0	0	20	100.1	6		16	
10C6	C. PHƯƠNG (AV)	4600	46	20	15	0	20	0	98.8	15		33	
10C7	C. NGỌC (T)	4600	46	0	0	0	10	0	99.8	9		20	
10C8	C. DUNG (H)	4300	43	0	30	0	0	20	99.8	10		22	
10C9	C. DUNG (S)	4600	46	0	15	0	35	0	98.9	14		32	
10C10	C. HOÀI (S)	4300	43	15	0	0	0	20	100.1	5		15	
10C11	C. LOAN (AV)	4300	43	0	0	0	10	20	100.2	3		11	
10C12	C. TRÂM (L)	4300	43	0	0	0	0	0	100.0	7		17	
10C13	C. TRÀ (V)	4100	41	10	0	0	60	0	98.3	16		35	
10C14	C. NGÂN (V)	4100	41	0	15	0	15	0	99.3	12		30	
10C15	C. TRÂM (Đ)	4100	41	0	0	0	20	0	99.5	11		27	
10C16	T. THÀNH (GD CD)	4000	40	0	0	0	0	40	101.0	1		4	
11B4	C. TUYẾT (H)	4400	44	0	15	0	60	20	98.8	7	II	34	
11B5	C. M. HIỀN (AV)	4400	44	0	15	0	75	0	98.0	8		38	
11B6	C. ĐIỂM (L)	4300	43	0	90	0	30	20	97.7	11		42	
11B7	C. T. HIỀN (V)	4300	43	0	0	0	10	20	100.2	2		11	
11B8	C. TÂN (GD CD)	4500	45	0	150	0	15	0	96.3	12		45	
11B9	T. HUY (H)	4300	43	0	0	0	0	20	100.5	1	III	8	
11B10	T. GIANG (L)	4400	44	0	0	0	30	40	100.2	3		13	
11B11	C. THUỶ (V)	4400	44	0	30	0	10	40	100.0	4		17	
11B12	C. YẾN (V)	4500	45	0	0	0	70	40	99.3	6		29	
11B13	T. PHÚ (T)	4500	45	0	0	0	10	0	99.8	5		21	
11B14	C. TÂM (S)	4300	43	0	30	0	65	0	97.8	10		41	
11B15	T. TRƯỜNG (T)	4400	44	0	75	0	55	40	98.0	8		38	
12A4	T. HỮU (T)	3800	38	0	0	0	95	20	98.0	6	IV	36	
12A5	T. SƠN (H)	3800	38	0	30	0	45	0	98.0	6		36	
12A6	C. T. VÂN (AV)	4000	40	5	0	0	120	40	97.9	8		40	
12A7	T. VŨ (L)	4000	40	0	0	0	25	40	100.4	2		9	
12A8	T. NAM (T)	3600	36	0	0	0	30	20	99.7	3		23	
12A9	C. LÀI (AV)	3800	38	0	120	0	65	0	95.1	11		46	
12A10	T. ĐỨC (AV)	3800	38	15	0	0	10	60	100.9	1		5	
12A11	C. THANH (V)	4300	43	15	0	0	20	20	99.7	4		24	
12A12	C. DUNG (Đ)	4500	45	0	0	0	20	0	99.6	5		25	
12A13	C. NHUNG (V)	4500	45	15	45	0	65	0	97.2	9		43	
12A14	C. L. ANH (V)	4400	44	5	15	0	135	0	96.5	10	44		
11B1	C. HUYỀN (T)	4200	42	0	0	0	0	20	100.5	4	IV	7	
11B2	C. HOÀNG (L)	3900	39	0	0	0	0	60	101.5	2		2	
11B3	C. HOA (V)	3900	39	0	0	0	70	80	100.3	5		10	
12A1	T. CAO (L)	4500	45	0	0	0	10	80	101.6	1		1	
12A2	C. THỦY (T)	4400	44	0	15	0	10	80	101.3	3		3	
12A3	C. TRINH (H)	4300	43	0	0	0	40	20	99.5	6		26	
12A15	C. MY (T)	4000	40	0	0	0	60	40	99.5	7		28	

HIỆU TRƯỞNG

Người Tổng Kết

Hồ Xuân Phúc

Nguyễn Hoàng Anh